

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1138 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 11 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Đức,
huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại thôn 5, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận họp ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Hàm Tân;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 09/TTr.HL ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư khai thác khoáng sản Hoàng Long;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 176/TTr-STNMT ngày 28 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư khai thác khoáng sản Hoàng Long (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh – Nguyễn Văn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Bình Thuận;
- UBND huyện Hàm Tân;
- UBND xã Tân Đức;
- Công ty TNHH Đầu tư khai thác khoáng sản Hoàng Long;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phong
Nguyễn Văn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1138 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư khai thác khoáng sản Hoàng Long.
- Địa chỉ liên hệ: xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Dương Thái Khoa Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ liên lạc: Thôn 2, xã Tân Phúc, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0933010180.
- Mục tiêu dự án: Khai thác cát xây dựng cung cấp cho thị trường trong Tỉnh và các vùng kinh tế lân cận; tạo nguồn thu ngân sách cho huyện Hàm Tân nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung,...
- Phạm vi, quy mô:

Diện tích khu vực thăm dò là 19,7 ha; sau cắt trừ phần diện tích bảo đảm an toàn đường điện, diện tích phê duyệt trữ lượng là 19,3 ha, có tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN2000, múi 3 độ, KT 108°30'	
	X (m)	Y (m)
1	1.202.594	400.929
1'	1.202.702	401.250
2'	1.202.702	401.388
3	1.202.478	401.362
4	1.202.115	400.898
5	1.202.146	400.775
Diện tích: 19,3 ha		

- Công suất khai thác nguyên khối: 41.000 m³/năm, gồm:
 - + Cát xây dựng: 36.800 m³/năm.
 - + Đất phủ: 4.200 m³/năm.
- Công suất khai thác nguyên khai: 46.125 m³/năm (hệ số nở rời 1,125),
gồm:

+ Cát xây dựng: 41.400 m³/năm.

+ Đất phủ: 4.725 m³/năm.

- Công nghệ khai thác: Áp dụng công nghệ khai thác là xúc bóc vận chuyển về hồ bơm để tiến hành khuấy trộn sau đó bơm về bãi chứa sản phẩm để tuyển rửa và vận chuyển đi đến nơi tiêu thụ.

- Công trình chính của dự án: Khai trường có diện tích 19,3 ha; bãi chứa sản phẩm có diện tích 850 m² nằm trong ranh giới mỏ; bãi thải tạm có diện tích 850 m² nằm trong diện tích khai trường; hồ bơm có diện tích 850 m² và hồ lắng có diện tích 850 m² nằm ngoài ranh diện tích khai thác; hệ thống sàn tuyển rửa cát bố trí ngay trên bề mặt diện tích bãi chứa sản phẩm. Ngoài ra, Chủ dự án bố trí lán trại có diện tích 50 m² và hệ thống trạm cân điện tử có diện tích 18 m² bên ngoài biên giới mỏ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh từ hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng cơ bản là 0,5 m³/ngày; lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành là 0,25 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

- Lưu lượng nước tuyển rửa cát thu hồi khoảng 80% lượng nước ban đầu sử dụng là 232 m³/ngày, nước cấp bổ sung trung bình khoảng 26 m³/ngày. Nước thải qua sàng tuyển cát chứa các thành phần hữu cơ, cặn lắng và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác, sàn tuyển và vận chuyển khoáng sản,...chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ là 4,619 tấn, khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn vận hành là 117,2 tấn và thành phần chủ yếu các loại cây lùm bụi, cỏ dại, cây keo lá tràm, cây đào,...

- Khối lượng đất thải sau tuyển rửa là 86.923 m³, thành phần chủ yếu là rác thải, sét cục và các tạp chất dạng bùn có lẫn trong cát được tách ra sau tuyển rửa.

- Khối lượng chất thải rắn do hoạt động tháo dỡ lán trại kết thúc khai thác khoảng 300 kg; thành phần chủ yếu là sắt thép vụn, tôn vụn,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở 1,0 kg/tháng; khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành 5,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở là 5,0 kg/ngày; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành 5,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Chủ dự án trang bị nhà vệ sinh di động được sản xuất từ vật liệu composite bằng công nghệ đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 04 ngăn với dung tích 550 lít. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi thu gom, lưu chứa hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ tối thiểu 06 tháng 01 lần đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Hồ lắng được bố trí kế bên khu vực bãi chứa và hồ bơm, được lót bạt HDPE chống thấm và có nhiệm vụ nhận nước đã qua quá trình sàng tuyển cát, lắng đọng các chất rắn lơ lửng, sau đó bơm cao áp vào hồ bơm có lót bạt HDPE chống thấm để tiếp tục quá trình tuyển rửa cát. Nước sau tuyển rửa cát được tuần hoàn khoảng 80% so với lượng nước sử dụng ban đầu sử dụng, nước cấp bổ sung trung bình khoảng 26 m³/ngày.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải. Chủ dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản, vận hành chủ yếu như sau:

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường đất với chiều rộng 8,0 m, chiều dài 110 m vận chuyển sản phẩm từ mỏ ra đến đường G'Rao trong quá trình sử dụng, duy tu bảo dưỡng hàng năm.

- Phủ bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi trên đường vận chuyển; xe vận chuyển khoáng sản ra khỏi dự án phải chở đúng số khối

quy định; chủ dự án có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các xe vận chuyển tại trạm cân trước khi xe chở vật liệu ra khỏi mỏ.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm như giờ đi làm, giờ tan sở của người dân, cụ thể không bố trí lịch vận chuyển vào 04 mốc thời gian sau trong 01 ngày: Từ 06 giờ 00 phút đến 07 giờ 00 phút, từ 10 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút và 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút. Hạn chế việc vận chuyển khoáng sản vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển, xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển thường xuyên để hạn chế bụi phát tán vào môi trường, đặc biệt là đoạn đường đất từ mỏ ra đường G' Rao như sau: Tần suất tưới 02 lần/ngày, trong trường hợp thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng, Chủ dự án chủ động tăng tần suất tưới đường hạn chế tối đa bụi phát sinh. Bố trí công nhân quét dọn khi có rơi vãi, không gây mất mỹ quan gây ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Quá trình cải tạo phục hồi được triển khai song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường góp phần ngăn ngừa, hạn chế tác động do bụi tại bãi chứa thành phẩm và chất thải rắn loại ra sau tuyển phát tán.

- Thường xuyên tu dưỡng, bảo trì các thiết bị, máy móc.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lao động tại công trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chủ yếu như sau:

- Sinh khối thu được từ quá trình phát quang được Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần không tận dụng được sẽ tập kết và tiến hành đốt bỏ. Quá trình đốt diễn ra trong ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát và chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

- Chất thải rắn do hoạt động tháo dỡ lán trại kết thúc khai thác, thiết bị hư hỏng, phụ tùng thay thế được Chủ dự án sẽ tiến hành thu gom và bán các vật liệu, cấu kiện thừa, phế thải cho các cơ sở kinh doanh phế liệu lân cận.

- Đất thải sau tuyển rửa cát được thu gom tập kết về bãi thải tạm, bùn, cặn lắng từ hồ bơm tạt dụng phục vụ quá trình hoàn thổ cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, trong đó: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m²; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp; đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định,...

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa tạm thời tại vị trí lán trại và mang ra bãi tập kết rác nằm đầu đường G'Rao tại vị trí giao nhau với Quốc lộ 1A. Toàn bộ sinh hoạt phát sinh được Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như: Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị, máy móc và đảm bảo tiếng ồn, độ rung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn, độ rung lớn vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép; vận hành máy móc, thiết bị theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động đến giao thông địa phương như: Điều tiết lượng xe ra vào khu vực mỏ hợp lý, không tập trung vào giờ cao điểm; tuyên truyền ý thức về an toàn giao thông cho người điều khiển phương tiện; cấm biển báo ở hai đầu đường (cách tuyến giao thông ra vào trong khu vực dự án khoảng 20m) để báo hiệu khu vực có nhiều xe vận tải ra vào; xe chạy ngang qua khu dân ở phải giảm tốc độ (<30km/giờ); duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

- Tổ chức thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04: 2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Trồng cây xung quanh khu vực moong khai thác để gia cố, củng cố bờ moong, xung quanh chân đồi cát, dọc theo ranh mỏ sẽ trồng cây để giữ chân, chắn gió và giảm cát bay, tránh sạt lở và trồng cây trên đai bảo vệ an toàn với mật độ dày. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó để giữ nguyên hiện trạng tại diện tích chưa khai thác đến.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo an toàn không xảy ra hiện tượng sụt lún đất của người dân khu vực giáp ranh; Công ty tiến hành khai thác để lại đai an toàn xung quanh 2,0 m. Thi công khai thác đảm bảo tuân thủ thông số thiết kế, góc nghiêng bờ dừng là 31° phù hợp, tương thích với góc ổn định địa chất khu vực

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống sự cố cháy nổ và an toàn lao động do các cơ quan chức năng quy định.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

3.8.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1:

Thực hiện từ năm đầu và hoàn thành đến khi kết thúc khai thác. Thực hiện theo hình thức cuốn chiếu khai thác đến đâu trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường đến đó. Các công việc bao gồm:

- Củng cố bờ moong: Khai thác tới đâu sẽ gia cố tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo góc nghiêng bờ kết thúc bằng góc ổn định tự nhiên trung bình là 31° nhằm tránh sạt lở).

- Lắp đặt biển báo xung quanh khu vực moong.

- San gạt đáy moong đã khai thác.

- Trồng cây xanh (cây keo lai giâm hom) xung quanh bờ moong, đáy moong khai thác và vách taluy.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2:

Tiến hành ngay khi kết thúc khai thác và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn (trong vòng 2 tháng sau khi kết thúc khai thác). Các hạng mục thực hiện trong thời gian này gồm:

- Tháo dỡ và bán thanh lý các công trình mỏ.
- San gạt, làm sạch mặt bằng khu vực lán trại, bãi chứa, lấp ao nước.
- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.
- Quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

3.8.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **3.756.118.109** đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm mười tám nghìn, một trăm lẻ chín đồng*).

- Số lần ký quỹ: 14 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 751.223.622 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (12 lần): 231.145.730 đồng.
- + Số tiền ký quỹ lần cuối: 231.145.727 đồng.
- Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Không có công trình bảo vệ môi trường để vận hành thử nghiệm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ:

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại khu vực xây dựng của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ

và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm các khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát:

+ Khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.

+ Trên tuyến đường vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát khác

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: Kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung,...

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Định kỳ tối thiểu 06 tháng 1 lần, sẽ thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ môi trường địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định và kiểm tra tình trạng làm việc của nhà vệ sinh: đường ống, rò rỉ,...

- Trong mùa mưa, Công ty bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra trượt lở bờ moong khu vực moong khai thác, bơm thoát nước kịp thời tránh hiện tượng ngập lụt, vận tốc dòng chảy tràn lớn ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án.

- Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác, đặc biệt là vào mùa mưa. Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong toàn dự án.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ:

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo./.